

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Trung
Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Chử Thị
Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh
Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
13/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Quang T, sinh ngày 15/9/1988 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 06, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp:
Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:
Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Trọng T, sinh năm 1962; và bà Phạm
Thị O, sinh năm 1963; vợ: Đào Thị H, sinh năm 1994; Con: có 02 con, con lớn sinh
năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ,
tạm giam từ ngày 29/5/2019 đến ngày 21/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn
chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã L, huyện
L, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

2. Nguyễn Thành N, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1998;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 8, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp:
Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:
Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức T, (đã chết); và bà: Lê Thị
Minh H, sinh năm 1974; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1997; Con: có 01 con,
sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

- **Bị hại:** Anh Phạm Quốc B, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Đăng C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

3. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 21, khu C, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Đức Kiên, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 6, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/5/2019, Công an huyện Lâm Thao tiếp nhận tố giác của anh Phạm Đăng C, sinh năm 1972, ở khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ về việc: buổi sáng ngày 25/5/2019, con trai anh là Phạm Quốc B, sinh ngày 22/4/2001 đi học đã bị Nguyễn Thành N, sinh năm 1998, ở khu 8, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ và Trần Quang T, sinh năm 1988, ở khu 6, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ cùng một số đối tượng đánh, sau đó bắt ép phải viết giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng.

Sau khi tiếp nhận tin báo, hồi 17 giờ 15 phút, ngày 28/5/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao phối hợp với Công an xã L, đến cửa hàng kinh doanh Cầm đồ “Thành N” tại khu 10, xã L, huyện L để tiến hành triệu T, làm việc đối với Nguyễn Thành N và Trần Quang T (N là người đứng tên đăng ký kinh doanh và thuê quán này của anh Trần Võ V, sinh năm 1989, ở khu 8, xã L, huyện L để làm cửa hàng cầm đồ, T là người xin góp vốn làm ăn chung). Tại đây, tổ công tác phát hiện Trần Quang T đang nhận tiền mặt của anh Phạm Đăng C (anh Phạm Đăng C đem tiền để trả cho T tiền B vay và bị T bắt viết giấy nợ ngày 25/5/2019). Lúc này trên mặt bàn uống nước kê tại phòng khách của quán có 50.000.000 đồng và 04 tờ giấy vay tiền, khổ giấy A4, trong đó có 03 tờ giấy vay tiền nội dung thể hiện người

vay tiền là Phạm Quốc B vay của Trần Quang T với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và 01 tờ giấy vay tiền nội dung thể hiện người vay tiền là Phạm Quốc B vay của Nguyễn Thành N với số tiền 50.000.000 đồng. Tại thời điểm này tại quán còn có ông Phạm Văn Tộ, sinh năm 1965, ở khu 5, xã L, huyện L được ông C nhờ đi cùng trả nợ; Nguyễn Đức Kiên, sinh năm 1989, ở khu 6, xã L, huyện L, Đoàn Hữu M, sinh năm 1983, ở khu 11, xã L, huyện L, Chu Đức M, sinh năm 1980, ở khu 8, xã L, huyện L (Nguyễn Đức K, Chu Đức M và Đoàn Hữu M đến quán chơi).

Tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc, tạm giữ:

- Số tiền 70.000.000 đồng; 04 giấy vay tiền (đều do B là người ký tên vay tiền).

Quá trình làm việc Trần Quang T tự giao nộp:

- 01 giấy vay tiền; 03 giấy thuê xe; 03 giấy bán xe (các giấy này đều do Phạm Quốc B ký tên);

- 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen, số imei 357280094566517, bên trong cài sim thuê bao số 0987835888.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số: 19S1 - 278.63, đã qua sử dụng.

- 01 sổ hộ khẩu gia đình, số: 1056, mang tên chủ hộ: Phạm Đăng C, sinh ngày: 25/12/1972, HKTT: khu 7 - L - L - Phú Thọ.

- 01 gậy bằng cao su, màu đen, dài 52cm; đường kính 03cm; trên thân gậy cao su có dòng chữ “NQ” một đầu gậy (tay cầm) có đục 01 lỗ đường kính 01cm, có 01 sợi dây màu trắng buộc luôn qua lỗ, đã qua sử dụng;

- 02 thanh kim loại hình trụ tròn, màu trắng bạc, đều có chiều dài 1,2m, đường kính 2,3cm, đã qua sử dụng;

- 03 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, đều có kích thước 1m x 2,3 x 1,2cm, đã qua sử dụng;

- 01 con dao (loại dao quắm) có tổng chiều dài 81cm; chuôi dao bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 49cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản rộng nhất 5,2cm, đầu mũi dao cong, gấp xuống dưới, đã qua sử dụng.

Kết quả điều tra, xác minh làm rõ:

Vào khoảng tháng 3/2019, Phạm Quốc B có vay số tiền 65.000.000 đồng của Lê Quốc T, sinh năm 1999, ở khu 5, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (T cho vay tiền nhưng không bắt B viết giấy biên nhận). Sau đó, T đã nhiều lần yêu cầu B trả tiền, do B không có tiền trả nên B đến quán cầm đồ “Thành N” ở khu 10, xã L, huyện L của Trần Quang T và Nguyễn Thành N để vay tiền trả nợ cho T. Cụ thể các lần:

Lần thứ nhất: Ngày 15/4/2019, Phạm Quốc B đến quán cầm đồ “Thành N” hỏi vay của T 10.000.000 đồng. T đồng ý, đưa cho B 01 mẫu “Giấy vay tiền” để B tự điền nội dung. Sau khi viết xong, Phạm Quốc B đưa lại cho T giữ. T đưa cho B 10.000.000 đồng. T tiếp tục đưa cho B 01 mẫu giấy thuê xe, 01 mẫu giấy bán xe và yêu cầu B tự điền, viết thông tin cá nhân của B vào 02 mẫu giấy này. B tự viết thông tin cá nhân của mình vào 02 mẫu giấy và chỉ điền số tiền bán xe mô tô vào giấy bán xe là 10.000.000 đồng theo yêu cầu của T, còn các thông tin về thuê, bán xe mô tô có đặc điểm, nhãn hiệu như thế nào B không viết.

Lần thứ hai: Ngày 16/4/2019, Phạm Quốc B đến quán cầm đồ “Thành N” hỏi vay của T 20.000.000 đồng, T đồng ý và yêu cầu B điền vào mẫu giấy thuê xe và bán xe mô tô với cách thức nêu trên, rồi đưa 20.000.000 đồng cho B.

Lần thứ ba: Ngày 18/4/2019, Phạm Quốc B đến quán cầm đồ “Thành N” hỏi vay của T 30.000.000 đồng. T đồng ý và yêu cầu B điền vào mẫu giấy thuê xe và bán xe mô tô với cách thức nêu trên, rồi đưa 20.000.000 đồng cho B. Còn 10.000.000 đồng B nhờ T chuyển từ tài khoản ngân hàng Techcombank số 19032894193018 của T vào tài khoản ngân hàng Viettinbank số 108868982440 của Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991, ở khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ là bạn của Lê Quốc T để trả nợ T.

Sau 03 lần cho B vay tiền, T yêu cầu B viết lại một Giấy vay tiền khác với tổng số tiền là 50.000.000 đồng (đứng tên người cho vay là Nguyễn Thành N). Số tiền này là tổng số tiền mặt của T đã trực tiếp giao cho B trong 03 lần B đến vay tiền của T, còn 10.000.000 đồng chuyển qua tài khoản Ngân hàng, B thỏa thuận trả tiền trực tiếp cho T nên không viết giấy.

Sau khi cho B vay tiền, T nhiều lần đòi tiền B nhưng chưa được, T nói chuyện cho Nguyễn Thành N biết việc B nợ tiền T và nhờ N cùng đòi nợ B. Nguyễn Thành N đã gặp B đòi nợ nhưng B chưa trả tiền.

Do cùng làm cầm đồ và chung quán nên đối với những người nợ không trả đúng hạn thì đều bàn nhau đòi nợ, thường là đe dọa hoặc đánh để buộc họ trả tiền. Còn với B tiền cho vay là của T. Giữa N và T có trao đổi đòi nợ thể hiện trên Facebook, nhắn tin, T B N đi tìm B để đòi nợ nhưng không bàn bạc cụ thể đòi nợ như thế nào.

Khoảng 06 giờ 50 phút, ngày 25/5/2019, Nguyễn Thành N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 19H1 - 041.36 của N chở 01 người bạn tên N ở Yên Bái là bạn xã hội mới quen, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể đi chơi đến khu vực cổng trường THPT L thuộc khu L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. N ngồi uống nước tại cổng trường đợi B để đòi nợ, N không nói cho N biết về việc này. Lê Quốc T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Duy H, sinh năm 2001, ở khu Dưng H, xã

P, huyện L đi đến trường cũng có mặt. Sau đó, Nguyễn Văn C, sinh năm 2001, ở khu 3, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Cub, biển số 19AB - 003.76 chở Phạm Quốc B đến trường. Khi thấy Chung và B đi đến, N đi lại chặn trước đầu xe máy của C. C dừng xe, N dùng tay lôi, kéo B xuống xe và đòi tiền B nợ T, đồng thời N dùng chân phải đá trúng vào miệng của B làm B bị chảy máu ở miệng. B nói với N “Anh đừng đánh em, em bảo bố em trả tiền cho anh rồi”. N nói với B “Thế mày đi về quán với tao để giải quyết”, B đồng ý, rồi ngồi lên yên xe mô tô của N do N điều khiển chở B và N ngồi sau đi đến cửa hàng cho thuê xe máy tại khu 9, xã S, huyện L của Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991, ở khu 8, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ (là bạn của N) thấy cửa quán mở, N B N chở B vào quán. T không có mặt tại quán, N đưa B vào trong quán, tiếp tục đòi nợ và tát vào mặt B rồi nói với B đi vào trong nhà vệ sinh của quán để cho B lau, rửa máu ở miệng. Sau đó, N gọi một xe ô tô taxi (đang chạy trên đường, không rõ biển số, không nhớ hãng nào) đưa B đi về quán cầm đồ của N và T. N không đi cùng N và B. Khi đến quán cầm đồ, N đưa B vào trong quán, ngồi tại ghế bàn uống nước kê trong quán. Lúc này tại quán có mặt Trần Quang T và Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1998, ở thôn Phượng Hùng 1, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (là bạn của N). T đi ra kéo đóng cửa cuốn của quán sau đó lại gần chửi và hỏi B: “Bao giờ mày trả tiền cho tao”. B trả lời: “Em bảo bố mẹ em rồi, chiều bố mẹ em lên trả”. T nói: “Tao không tin, quá nhiều lần mày lừa tao rồi”. T lấy 01 gậy cao su, màu đen có sẵn ở quán vụt hai cái trúng vào lưng của B. N và H can ngăn, sau đó H ngồi xem máy vi tính, N nói với T “Em đánh nó rồi, anh đừng đánh nó nữa”. T đi ra mở cửa quán và đi ra ngoài hút thuốc. B ngồi ở trong quán được N đưa vào trong nhà vệ sinh của quán để cho B lau, rửa máu ở miệng rồi đưa ra gian phòng khách, B ngồi tại ghế. Khoảng 5-10 phút sau, T quay vào lấy 03 mẫu giấy gồm: 01 mẫu “Giấy vay tiền”; 01 mẫu “Giấy thuê xe”; 01 mẫu “Giấy bán xe” đưa cho B và nói: “Bây giờ mày viết giấy vay nợ 70.000.000 đồng cho tao”. B hoảng sợ vì vừa bị đánh nên B cầm giấy đồng ý viết giấy. N nghe T nói nên N ngồi cùng hướng dẫn B viết, điền tên mình vào các mẫu giấy in sẵn, gồm 01 giấy vay tiền, 01 giấy thuê xe, 01 giấy bán xe.

Sau khi viết vào 03 mẫu giấy xong, B đưa cho T giữ. Sau đó, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu sơn đen, biển số: 19S1 - 278.63 đưa B đến quán Internet Monster thuộc khu 3, phường V, thành phố V của chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1992, HKTT: khu 21, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. N và B ngồi chơi điện tử, lúc này có số máy ông Phạm Đăng C (bố B) gọi đến số máy của B. N nói với B “Cứ để đấy không phải nghe, lấy máy của anh mà gọi lại”. N đưa điện thoại di động của mình cho B bấm gọi vào số thuê bao di động của ông

Phạm Đăng C, B nói: “Bố cầm tiền đến quán anh T, trả tiền cho con”. Khi B nói xong, N lấy lại chiếc điện thoại không cho B nói chuyện tiếp. Khoảng 30 phút sau, N đưa B về quán cầm đồ của T và nói với B “Mày thích đi đâu thì đi, tao không giữ gì mày đâu nhé”, B trả lời “Anh cho em ra quán nét ngồi”. N B H đưa B đến quán Internet của ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1959, ở khu 9, xã L, huyện L, chơi game. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chú của B là Phạm Quốc H, sinh năm 1981, ở khu 5, xã L, huyện L đi tìm, gặp B ở trong quán Internet, đưa B về nhà. B được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ điều trị.

Ngày 28/8/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ giám định tỷ lệ thương tích của Phạm Quốc B. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 285 ngày 04/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ, kết luận: Tỷ lệ thương tích của Phạm Quốc B là 01% (do chấn động não). Phạm Quốc B và ông Phạm Đăng C (là bố của B) có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm đối với người gây thương tích cho mình.

Sau khi xảy ra sự việc Nguyễn Thành N, Lê Quốc T, Nguyễn Hữu T không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng không có kết quả, nên đã ra thông báo truy tìm.

Ngày 28/10/2019, Nguyễn Hữu T đến cơ quan điều tra làm việc.

Ngày 30/10/2019, Lê Quốc T đến cơ quan điều tra làm việc.

Ngày 16/12/2019, Nguyễn Thành N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Lâm Thao đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quang T, Nguyễn Thành N, Lê Quốc T, Nguyễn Hữu T khai nhận như nội dung trên và khai nhận:

Buổi chiều ngày 24/4/2019, sau khi tan học, Phạm Quốc B đi cùng Lê Văn T, sinh năm 2001, ở khu 4, xã L, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên đường về nhà, khi đi qua cửa hiệu cho thuê xe máy, xe đạp điện của Nguyễn Hữu T, ở khu 9, xã S, huyện L. Lê Quốc Thao đang chơi ở đây nhìn thấy đã gọi B vào cửa hiệu của T để đòi tiền nợ. Tại đây, Thao nhờ Nguyễn Hữu T đọc cho B viết giấy nợ Trống 35.000.000 đồng, mục đích nhờ T giúp T đòi nợ tiền B đã vay. T đồng ý, đưa giấy, bút cho B. T đọc cho B viết giấy nội dung B vay T số tiền 35.000.000 đồng, nếu sau 10 ngày không trả được tiền thì phải mua trả cho T 01 cây vàng 9999. B viết giấy theo lời T đọc. Viết giấy xong T giữ giấy này rồi B đi về. Khi T bảo B viết giấy vay nợ không có sự đe dọa, ép buộc, B đồng ý viết vì nghĩ khi vay tiền của T không có giấy tờ nên khi T và T bảo viết thì B đồng ý. 10 ngày sau, B không có tiền trả cho T nên T và T đến trường của B tìm gặp B hỏi tiền. B nói không có tiền trả nên T gọi điện cho ông Phạm Đăng C (bố của B) nói trả số tiền B đang nợ là 35.000.000 đồng, ông C hứa sẽ trả tiền nên T, T ra về. T nhận thức việc đọc cho B viết giấy nợ T là

sai sự thật, nguyên nhân T làm như vậy là do T nhờ T đòi nợ hộ, T không có động cơ mục đích chiếm đoạt tiền của B.

Khoảng thời gian đầu tháng 5/2019, Trần Thành C, sinh năm 1995, ở khu 6, xã L, huyện L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, biển số 19A - 214.21 chở Phạm Quốc B, Lê Quốc T đi cắt tóc tại quán gần dốc Công Đoàn ở thành phố V. Sau khi cắt tóc xong, Lê Quốc T gọi Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988, ở tổ 21, khu C, phường Minh P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đến quán nước ở khu vực đối diện dốc Công Đoàn, TP V, tỉnh Phú Thọ gặp T, C, B. Tại đây, T nhờ Nguyễn Tuấn Anh cho B vay 30.000.000 đồng để trả nợ cho Thao. Tuấn Anh đồng ý và đọc cho B viết 01 giấy vay nợ Tuấn Anh số tiền 30.000.000 đồng, hẹn trả tiền sau 10 ngày, Tuấn A giữ giấy vay tiền này, đưa 30.000.000 đồng cho T. Khi đó B đồng ý vay tiền của Tuấn A để trả nợ cho T, Tuấn A không có đe dọa hay bắt ép B phải viết giấy nhận nợ. Sau đó, C điều khiển xe ô tô trên chở T và B đi về L.

Ngày 29/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Quang T. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và ra quyết định tạm giữ đối với Trần Quang T.

Sau khi Trần Quang T bị bắt, Nguyễn Đức K, sinh năm 1989, ở khu 6, xã L, huyện L là bạn của Trần Quang T đã gặp Nguyễn Hữu T lấy lại giấy của B viết vay T 35.000.000 đồng do T nhờ viết hộ, đồng thời K gặp và trả nợ cho Nguyễn Tuấn A 30.000.000 đồng rồi lấy lại giấy vay tiền của B viết. Sau đó, K đem 02 giấy vay tiền này đến gia đình B gặp ông Phạm Đăng C nói chuyện và xé bỏ 02 giấy vay tiền nêu trên. Lê Quốc T xác nhận Phạm Quốc B không còn nợ số tiền 65.000.000 đồng. Cụ thể trong số tiền này Nguyễn Đức K đã đứng ra trả nợ số tiền 30.000.000 đồng cho Nguyễn Tuấn A, mục đích để khắc phục hậu quả cho Trần Quang T, K không yêu cầu T trả lại số tiền này và không yêu cầu B trả số tiền này. Số tiền còn lại B và gia đình đã trả nợ hết cho T.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSLT ngày 20/2/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã truy tố các bị cáo: Trần Quang T, Nguyễn Thành N về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ quyền công tố luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố để cấu thành tội “Cướp tài sản” đúng như Cáo trạng số: 12/CT-VKSLT ngày 20/2/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s, b, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 tuyên bố bị cáo Trần Quang T và Nguyễn Thành N phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần Quang T và bị cáo Nguyễn Thành N mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (Năm) năm, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, Tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật này.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: : Áp dụng điểm a khoản 1,2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

* Tịch thu tiêu hủy: 01 sim thuê bao số 0987835888; 01 gậy bằng cao su, màu đen, dài 52cm; đường kính 03cm; trên thân gậy cao su có dòng chữ “NQ” một đầu gậy (tay cầm) có đục 01 lỗ đường kính 01cm, có 01 sợi dây màu trắng buộc luôn qua lỗ, đã qua sử dụng; 02 thanh kim loại hình trụ tròn, màu trắng bạc, đều có chiều dài 1,2m, đường kính 2,3cm, đã qua sử dụng; 03 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, đều có kích thước 1m x 2,3 x 1,2cm, đã qua sử dụng; 01 con dao (loại dao quắm) có tổng chiều dài 81cm; chuôi dao bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 49cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản rộng nhất 5,2cm, đầu mũi dao cong, gập xuống dưới, đã qua sử dụng. là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen, số imei 357280094566517 của bị cáo T.

- Trả lại cho Trần Quang T 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số: 19S1 - 278.63, đã qua sử dụng, xe đăng ký tên của Trần Quang T, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm B thi hành án.

- Lưu hồ sơ 05 giấy vay tiền; 03 giấy thuê xe; 03 giấy bán xe (các giấy này đều do Phạm Quốc B ký tên).

- Về dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa hôm nay các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm, không thay đổi gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội hoặc không có tội: Sáng ngày 25/5/2019 tại công trường THPT L và quán cầm đồ “Thành N” thuộc khu 10, xã L, huyện L, Trần Quang T và Nguyễn Thành N đã có hành vi dùng chân tay, gây bằng cao su đánh Phạm Quốc B đồng thời bắt ép B viết giấy vay nợ với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhằm chiếm đoạt. Ngày 28/5/2019, Trần Quang T là người đang nhận tiền thì bị Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ. Xét hành vi của các bị cáo tuy có trao đổi, bàn bạc nhưng giản đơn nên đây là vụ án có đồng phạm; vai trò của các bị cáo như nhau, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực hình sự do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015 như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo chỉ vì động cơ cá nhân đã sử dụng vũ lực đối với người bị hại để nhằm chiếm đoạt tiền song xét nguyên nhân phạm tội là do bị hại đã thực hiện vay tiền của bị cáo T nhưng lại không trả, hành vi của bị hại đã dẫn đến việc các bị cáo bức xúc, đánh bắt ép B viết giấy vay nợ ngày 25/5/2019 như đã nêu trên. Vì lẽ đó cần xác định hành vi phạm tội của các bị cáo có một phần lỗi của bị hại gây nên.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và toàn bộ quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã trực tiếp đến nhà bị hại xin lỗi và bồi thường tổn thất về tinh thần. Ngoài ra công an xã L có công văn số 13,14 đề nghị trong quá trình tại ngoại tại địa phương T, N đã giúp đỡ cơ quan công an phát hiện tội phạm, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, bị cáo N đầu thú, ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy có thể xem xét cho các bị cáo mức án dưới khung của hình phạt quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng mức án cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để các bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xong xét thấy các bị cáo không có công việc ổn định và không có tài sản riêng gì nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1]. Đối với thương tích của Phạm Quốc B do các bị cáo gây ra khi thực hiện hành vi Cướp tài sản. Bị tổn hại 1% sức khỏe nhưng B đã có đơn đề nghị không yêu cầu xử lý và không yêu cầu bồi thường gì về thương tích của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường giữa các bị cáo đối với Phạm Quốc B là phù hợp.

[5.2]. Đối với số tiền 70.000.000 đồng do N, T chiếm đoạt. Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã trả cho ông Phạm Văn T 20.000.000 đồng, trả cho ông Phạm Đăng C 50.000.000 đồng, và trả cho ông Phạm Đăng C 01 sổ hộ khẩu gia đình số: 1056 mang tên chủ hộ: Phạm Đăng C, sinh ngày: 25/12/1972, HKTT: khu 7 - L - L - Phú Thọ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét đến là phù hợp.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

[6.1]. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 sim thuê bao số 0987835888.(của T)
- 01 gậy bằng cao su, màu đen, dài 52 cm; đường kính 03cm; trên thân gậy cao su có dòng chữ “NQ” một đầu gậy (tay cầm) có đục 01 lỗ đường kính 01cm, có 01 sợi dây màu trắng buộc luồn qua lỗ, đã qua sử dụng;(của N mua ở Lào Cai đem về để phòng thân).
- 02 thanh kim loại hình trụ tròn, màu trắng bạc, đều có chiều dài 1,2m, đường kính 2,3cm, đã qua sử dụng;
- 03 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, đều có kích thước 1m x 2,3 x 1,2cm, đã qua sử dụng; (05 thanh kim loại là do làm biển hiệu của quán còn thừa).
- 01 con dao (loại dao quắm) có tổng chiều dài 81cm; chuôi dao bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 49cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản rộng nhất 5,2cm, đầu mũi dao cong, gập xuống dưới, đã qua sử dụng (dao quắm có sẵn ở quán, không biết của ai để ở đó). Tất cả là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng.
- Tịch thu xung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen, số imei 357280094566517 của bị cáo T.
- Lưu hồ sơ 05 giấy vay tiền; 03 giấy thuê xe; 03 giấy bán xe (các giấy này đều do Phạm Quốc B ký tên);

[6.2]. Trả lại cho Trần Quang T 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số: 19S1 - 278.63, đã qua sử dụng, xe đăng ký tên của Trần Quang T, nhưng tạm giữ để đảm B thi hành án.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Các vấn đề khác:

[8.1]. Đối với Nguyễn Ngọc H là người có mặt tại quán cầm đồ của T và N ngày 25/5/2019, khi thấy T đánh B, H đã can ngăn, Hoàng không làm ăn chung và

không biết việc làm của T và N đánh B là nhằm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi Không tố giác tội phạm là phù hợp.

[8.2]. Đối với Nguyễn Hữu T, Nguyễn Tuấn A là người được Lê Quốc T nhờ đòi nợ hộ tiền vay của Phạm Quốc B nên Trọng đã hướng dẫn B viết giấy nhận nợ không 35.000.000 đồng, Anh hướng dẫn viết giấy nợ 30.000.000 đồng. **Khi Lê Quốc T nhờ T và Tuấn A đòi nợ hộ và cho vay tiền để trả cho T thì B đều đồng ý và viết giấy nhận nợ mục đích để trả tiền cho T, không có sự đe dọa hoặc ép buộc viết giấy.** T và Tuấn A không có mục đích chiếm đoạt tài sản của B. Vì vậy, hành vi của T và Tuấn A không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[8.3]. Đối với Lê Quốc T là người cho Phạm Quốc B vay 65.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi xuất cụ thể. Thao nhờ T và Tuấn A đứng ra đòi nợ hộ và được B đồng ý, đến nay B đã trả đủ tiền cho Thao. **Việc nhờ đòi nợ hộ và chuyển nợ của T cho T và Tuấn A đều được B đồng ý và không có sự đe dọa, ép buộc** nên hành vi của T không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[8.4]. Đối với người có tên là N, là bạn của N nhưng N không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh.

[9]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015;

[1]. Tuyên bố các bị cáo Trần Quang T và Nguyễn Thành N phạm tội “Cướp tài sản”.

[2]. Xử phạt bị cáo Trần Quang T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (Năm) năm, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, Tỉnh Phú Thọ, Để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật này.

[3]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (Năm) năm, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, Tỉnh Phú Thọ, Để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của bộ luật này.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Quang T và Nguyễn Thành N.

[5]. Về vật chứng vụ án: : Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 sim thuê bao số 0987835888; 01 gậy bằng cao su, màu đen, dài 52 cm; đường kính 03cm; trên thân gậy cao su có dòng chữ “NQ” một đầu gậy (tay cầm) có đục 01 lỗ đường kính 01cm, có 01 sợi dây màu trắng buộc luôn qua lỗ, đã qua sử dụng; 02 thanh kim loại hình trụ tròn, màu trắng bạc, đều có chiều dài 1,2m, đường kính 2,3cm, đã qua sử dụng; 03 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, đều có kích thước 1m x 2,3 x 1,2cm, đã qua sử dụng; 01 con dao (loại dao quắm) có tổng chiều dài 81cm; chuôi dao bằng gỗ, hình trụ tròn, dài 49cm, đường kính 03cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản rộng nhất 5,2cm, đầu mũi dao cong, gập xuống dưới, đã qua sử dụng. là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu xung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu đen, số imei 357280094566517(của T).

- Trả lại cho Trần Quang T 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số: 19S1 - 278.63, đã qua sử dụng, xe đăng ký tên của Trần Quang T, nhưng tạm giữ để đảm B thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao theo biên bản bàn giao ngày 03/3/2020).

- Lưu hồ sơ 05 giấy vay tiền; 03 giấy thuê xe; 03 giấy bán xe (các giấy này đều do Phạm Quốc B ký tên).

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Quang T và Nguyễn Thành N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Kim Nguyên